

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2022/HS – ST**

Ngày: 17/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.
2. Ông Trương Văn Săng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Vĩnh Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2022/TLST – HS ngày 17 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh năm: 1980; Tên gọi khác: Lượm; ĐKTT: ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Tràng và bà Đặng Thị Bé; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Có 07 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích.

1. Ngày 30/3/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b “Có tính chất chuyên nghiệp” khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2005/HSST (trị giá tài sản trộm cắp 3.450.000 đồng).

2. Ngày 03/10/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c “Tái phạm nguy hiểm” khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2007/HSST (trị giá tài sản trộm cắp 2.732.500 đồng).

3. Ngày 08/4/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật

hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2011/HSST (trị giá tài sản trộm cắp 1.465.625 đồng).

4. Ngày 24/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2014/HSST (trị giá tài sản trộm cắp 223.300 đồng).

5. Ngày 27/02/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2015/HSST (trị giá tài sản trộm cắp 630.900 đồng).

6. Ngày 29/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2016/HSST (trị giá tài sản trộm cắp 1.400.000 đồng).

7. Ngày 23/5/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự theo Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2019/HSST (trị giá tài sản trộm cắp 2.500.000 đồng và xác định bị cáo Cường có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

Ngày 14/8/2020, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Đến ngày phạm tội (11/02/2022) chưa được xóa các tiền án nêu trên.

- Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/02/2022. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Trung Tr, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Ông Tr ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng, theo văn bản ủy quyền ngày 16/02/2022. Bà T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 11/02/2022, Nguyễn Văn C chạy xe đạp một mình trên các tuyến đường liên ấp thuộc địa bàn xã Long Định, huyện Bình Đại, với mục đích tìm nhà nào không có người ở để trộm cắp tài sản. Trên đường đi, C phát hiện nhà của vợ chồng ông Nguyễn Trung Tr, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị Kim T, sinh

năm 1981, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện H đóng cửa, bên trong không có người ở, nên đi vòng ra phía sau nhà, dùng đoạn cây cạy chốt cửa nhà sau để mở cửa, đi vào nhà bếp lấy trộm 01 điện thoại di động OPPO A91 màu trắng đang sạc pin trên kệ nhựa màu đỏ, bỏ vào túi quần bên phải. C đi tiếp vào phòng ngủ, dùng dao cạy khóa cửa tủ gỗ, thấy bên trong ngăn tủ thứ 02 có để 03 túi tiền, nên C lấy lần lượt từng túi tiền với số tiền trong mỗi túi là 170.000.000 đồng, 100.000.000 đồng và 30.000.000 đồng, cùng với số tiền 2.000.000 đồng để riêng trong ngăn tủ, tổng cộng 302.000.000 đồng. C bỏ tất cả tiền vào bên trong áo và túi quần bên phải, rồi nhanh chóng đi trở ra ngoài. Sau đó, Cường đem tiền về nhà, cất giấu trong tủ thờ 22.500.000 đồng, tiêu xài cá nhân 49.500.000 đồng và đưa cho người bạn tên Mến quê quán ở huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (không rõ lai lịch nhân thân, địa chỉ cụ thể) cất giữ dùm 230.000.000 đồng và 01 điện thoại di động OPPO A91.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 22/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Đại kết luận 01 điện thoại di động OPPO A91 màu trắng trị giá 3.120.000 đồng. Vật chứng của vụ án bị thu giữ và được xử lý gồm có:

- Số tiền 22.500.000 đồng do Cường giao nộp lại ngày 13/02/2022, đến ngày 18/3/2022, Cơ quan điều tra trả lại cho ông Tr, bà T.

- 01 chiếc xe đạp màu trắng - hồng là phương tiện mà C sử dụng đi trộm cắp tài sản, được xác định là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Đặng Thị C, sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp Phú Mỹ, xã Phú Thuận, huyện Bình Đại (chị ruột của C). Bà C không biết C sử dụng xe đạp đi trộm cắp tài sản và có nguyện vọng xin nhận lại xe, nên ngày 31/5/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại xe đạp cho bà C.

- 01 con dao dài 47 cm, lưỡi dao bằng sắt dài 29,5 cm và cán dao bằng cây dài 17,5 cm là con dao của bà Thu để tại nhà do C lấy để cạy khóa tủ; ngày 31/5/2022, Cơ quan điều tra trả lại con dao này cho bà Thu.

Qua quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không truy tìm được đối tượng tên Mến, nên không thu hồi lại được số tiền 230.000.000 đồng và 01 điện thoại di động OPPO A91.

Về trách nhiệm dân sự: Tổng số tài sản mà C trộm cắp trị giá 305.120.000 đồng, bao gồm số tiền 302.000.000 đồng và 01 điện thoại di động OPPO A91 trị giá 3.120.000 đồng. Ông Tr, bà T đã nhận lại số tiền 22.500.000 đồng và yêu cầu C phải bồi thường số tiền còn lại là 282.620.000 đồng. C chưa thực hiện việc bồi thường.

Ngày 06/5/2022, Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra vụ án để cho C diễn lại hành vi phạm tội của mình là phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Bản cáo trạng số: 18/CT-VKSBD ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ quyền công tố, phát biểu luận tội, đề nghị như sau:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng truy tố.

- Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C mức án từ 12 năm đến 14 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2022.

- Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C bồi thường số tiền 282.620.000 đồng cho ông Nguyễn Trung Tr và bà Đỗ Thị Kim T.

Bị cáo tự bào chữa: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội trộm cắp tài sản; bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 282.620.000 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất.

Bị hại Đỗ Thị Kim T và cũng là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị hại Nguyễn Trung Tr trình bày: Bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Trung Tr, Đỗ Thị Kim T số tiền còn lại 282.620.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Đại, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; các bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết của vụ án. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ trực tiếp như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận định giá tài sản, biên bản thu giữ vật chứng, đơn cơ mất trộm tài sản của bị hại... Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại; cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở kết luận rằng: Khoảng 07 giờ ngày 11/02/2022, do động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên Nguyễn Văn C đột nhập vào nhà của vợ chồng ông Nguyễn Trung Tr và bà Đỗ Thị Kim T, tọa lạc tại ấp V, xã V, huyện H, lấy trộm số tiền 302.000.000 đồng và 01 điện thoại di động OPPO A91 trị giá 3.120.000 đồng của ông Tr, bà T. Tổng trị giá tài sản mà C trộm cắp là 305.120.000 đồng.

Do đó, bị cáo Nguyễn Văn C đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự (có mức phạt tù từ 07 năm đến 15 năm). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Tuy nhiên, xuất phát từ bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu mà không cần phải lao động, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và thấy trước hậu quả nhưng vẫn cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội nơi xảy ra vụ án. Bản thân bị cáo đã có 07 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3] Về nhân thân của bị cáo:

Bị cáo có 07 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo được coi là người có nhân thân rất xấu.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị Nguyễn Văn C đã “Tái phạm”, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự, nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; Bị cáo có người cậu ruột là liệt sĩ. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo; hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với bị cáo cần phải cách ly ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định nhằm để trừng trị và giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Mặt khác còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đã xử lý trong giai đoạn điều tra nên ghi nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường số tiền còn lại cho bị hại Nguyễn Trung Tr, Đỗ Thị Kim T số tiền 282.620.000 đồng.

[8] Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Văn C thì đối tượng tên Mến quê quán ở huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre là người đã nhận cất giữ dùm cho bị cáo số tiền 230.000.000 đồng và 01 điện thoại di động OPPO A91 trị giá 3.120.000 đồng mà bị cáo trộm cắp có được. Qua quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tổ chức xác minh truy tìm, nhưng không xác định được lai lịch nhân thân, địa chỉ cụ thể của người tên Mến này, nên không thể điều tra, làm rõ được. Khi nào, Cơ quan điều tra triệu tập làm việc được, nếu xác định có dấu hiệu phạm tội hình sự sẽ tiến hành khởi tố, xử lý sau là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự; đề nghị hình phạt; về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu: 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bị cáo phải chịu: 14.131.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/02/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự, bồi thường thiệt hại: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Trung Tr, Đỗ Thị Kim T số tiền 282.620.000 đồng (Hai trăm tám mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 14.131.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; các bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các bị hại;
- VKSND huyện Bình Đại;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (P.KTNV&THA);
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Quang Hải